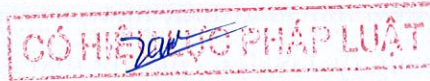


Bản án số: 10/2024/KDTM-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng phân
phôi



NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lương Quân;
- Bà Đặng Thị Ngọc Bích.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng phân phôi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8691/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9163/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội

Trụ sở chính: Số 233B, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Duy Đức hoặc ông Lê Xuân Bắc hoặc bà Nguyễn Thị Hoài Phương hoặc ông Phạm Thành Đạt – Là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 107/UQ-XPHN ngày 19/6/2023); Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Một thành viên DK, số 248, đường Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu (tên cũ Công ty TNHH Đào tạo và Truyền thông Á Châu)

Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà Pax Sky, số 51, đường Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Lâm Tuấn, sinh năm 1978 - Là đại diện theo pháp luật; Địa chỉ: Ấp Năm Ngàn, xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Duy Đức có mặt và bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023, Văn bản ý kiến ngày 24/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội do ông Phạm Duy Đức là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/11/2020, Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Đào tạo và Truyền thông Á Châu (sau đó ngày 15/10/2021 đổi tên là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu) (sau đây gọi tắt là bị đơn) có ký kết Hợp đồng số 368/SC/1220 về việc phân phối sản phẩm và xây dựng hệ thống điểm bán hàng, thời gian thực hiện hợp đồng là 13 tháng kể từ ngày 01/12/2020 đến hết ngày 31/12/2021 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 368/2020). Theo đó, nguyên đơn đồng ý bán và bị đơn đồng ý mua các sản phẩm do nguyên đơn sản xuất (các sản phẩm tẩy rửa dân dụng và y tế) để phân phối sản phẩm. Bị đơn cam kết doanh số mà bị đơn thực hiện sẽ là 65.000.000.000 đồng với mức chiết khấu được tính theo tỷ lệ 43% doanh số (trong đó chi phí Marketing là 10%). Phí dịch vụ được nguyên đơn tạm ứng theo tiến độ từng quý theo đề nghị của bị đơn.

Ngày 30/11/2020, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục số 01 để quy định về giá bán kèm theo Hợp đồng số 368/2020. Ngày 19/5/2021, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục số 02 để sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một số nội dung của Hợp đồng số 368/2020. Trong đó, Điều 2 của Phụ lục số 02 quy định về việc “Thời gian thực hiện hợp đồng: Đến hết 31/12/2021”.

Theo quy định tại hợp đồng, bị đơn đã lấy hàng của nguyên đơn theo nhiều đợt khác nhau với tổng giá trị là 15.787.983.962 đồng.

Ngoài ra, khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng số 368/2020 quy định doanh số bị đơn cam kết tạm tính sẽ thực hiện được trong năm 2021 là 65.000.000.000 đồng. Phí dịch vụ được tính theo tỷ lệ 43% doanh số, trong đó chi phí Marketing là 10%. Như vậy, tổng chi phí Marketing dựa trên kế hoạch doanh số là: 65.000.000.000 đồng x 10% = 6.500.000.000 đồng. Tháng 12 năm 2020 và Quý I năm 2021, kế hoạch chi phí Marketing thực hiện là: 4.445.986.300 đồng. Thực hiện quy định tại Điều 2 của hợp đồng, nguyên đơn đã tiến hành tạm ứng chi phí Marketing và chuyển vào tài khoản của bị đơn với tổng số tiền theo các đợt là: 4.445.986.300 đồng, cụ thể: Lần 1 - Quý I: 2.047.639.000 đồng (Ngày chuyển tiền: 19/11/2020. Số giao dịch: 134182953); Lần 2 - Quý I: 1.433.347.300 đồng (Ngày chuyển tiền: 11/01/2021. Số giao dịch: 142114094); Lần 3 - Quý I: 614.291.700 đồng (Ngày chuyển tiền: 07/4/2021. Số giao dịch: 156220257); Lần 4 - Quý II và chi phí cho hàng khuyến mại Quý II: 350.708.300 đồng (Ngày chuyển tiền: 07/4/2021. Số giao dịch: 156300377 và 156300710). Điều 4 của

Phụ lục 02 (Bổ sung khoản 3.5 Điều 3 của hợp đồng) quy định bị đơn phải hoàn trả các khoản tạm ứng chi phí Marketing cho nguyên đơn từ tháng 6/2021 cho đến hết tháng 12/2021. Tuy nhiên, tính đến thời điểm kết thúc hợp đồng, bị đơn mới thực hiện được doanh số là 33.378.000.000 đồng (tương ứng khoảng 51,35% doanh số đã cam kết) và chưa hoàn trả đủ số tiền tạm ứng chi phí Marketing nêu trên.

Tại Biên bản thanh lý hợp đồng số 06/2021/TLHD-XPB-ACT ngày 31/12/2021 thì bị đơn đã xác nhận số công nợ chi phí tiền hàng và tạm ứng chi phí Marketing của Hợp đồng số 368/2020, cụ thể:

Công nợ tiền hàng của bị đơn còn nợ đến ngày 31/12/2021 (ngày chấm dứt Hợp đồng số 368/2020) như sau: Tổng tiền hàng đã nhận: 15.787.983.962 đồng; Số tiền đã thanh toán: 6.718.609.786 đồng; Số tiền còn phải thanh toán: 9.069.374.176 đồng.

Công nợ tạm ứng chi phí Marketing của bị đơn còn nợ đến ngày 31/12/2021 (ngày chấm dứt Hợp đồng số 368/2020) như sau: Số tiền chi phí thực tế - tạm ứng đã nhận: 4.445.986.300 đồng; Số tiền đã hoàn trả: 150.000.000 đồng; Số tiền còn phải hoàn trả: 4.295.986.300 đồng.

Đồng thời, tại văn bản xác nhận công nợ (phục vụ cho mục đích kiểm toán) nguyên đơn gửi bị đơn ngày 03/01/2022 (bị đơn ký xác nhận ngày 19/3/2022), bị đơn đã xác nhận khoản nợ tiền hàng là 9.069.374.176 đồng và tiền tạm ứng chi phí Marketing là 4.295.986.300 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn đã thanh toán một phần số tiền nợ gốc của tiền hàng là 184.393.730 đồng nên khoản tiền hàng bị đơn còn nợ của Hợp đồng số 368/2020 tại thời điểm ngày 30/6/2022 là: 8.884.980.446 đồng.

Ngày 01/7/2022, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn (phục vụ cho mục đích kiểm toán) khoản nợ tiền hàng của Hợp đồng số 368/2020 là: 8.884.980.446 đồng và tiền tạm ứng chi phí Marketing là 4.295.986.300 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn đã thanh toán một phần nợ gốc là 132.969.109 đồng nên số tiền nợ gốc tiền hàng còn lại của Hợp đồng số 368/2020 tính đến hiện tại là: 8.752.011.337 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại (tiền hàng và tiền tạm ứng chi phí Marketing) của Hợp đồng số 368/2020 là: 15.464.558.295 đồng (bao gồm: 13.047.997.637 đồng gốc và 2.416.560.658 đồng nợ lãi), cụ thể:

Tiền hàng: Nợ gốc là 8.752.011.337 đồng và tiền lãi chậm trả của khoản tiền này từ ngày 19/3/2022 đến ngày 24/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 676 ngày theo mức lãi suất là 10%/năm là: $\{(8.752.011.337 \text{ đồng} \times 10\%) / 365 \text{ ngày}\} \times 676 \text{ ngày} = 1.620.920.456 \text{ đồng}$.

Tiền tạm ứng chi phí Marketing: Nợ gốc 4.295.986.300 đồng và tiền lãi chậm trả của khoản tiền này từ ngày 19/3/2022 đến ngày 24/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 676 ngày theo mức lãi suất là 10%/năm là: $\{(4.295.986.300 \text{ đồng} \times 10\%) / 365 \text{ ngày}\} \times 676 \text{ ngày} = 795.640.202 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi bị đơn trên số nợ gốc nêu trên kể từ ngày 19/3/2022 (ngày bị đơn xác nhận trên văn bản xác nhận công nợ) và tính mức lãi suất là 10%/năm. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nào khác.

Sau khi kết thúc Hợp đồng số 368/2020 thì ngày 01/01/2022, bị đơn và nguyên đơn ký Hợp đồng phân phối số 01/HĐPP-XPB-ACT/2022 có thời hạn thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 nhưng bị đơn đã thanh toán hết tiền hàng của hợp đồng này nên nguyên đơn không tính phần lãi chậm trả đối với khoản tiền hàng của Hợp đồng số 01/2022 này.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu (tên cũ Công ty TNHH Đào tạo và Truyền thông Á Châu) đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn đã đăng nội dung Quyết định thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng số 8108/2023/QĐ-TB ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trên Báo Thanh niên trong ba số liên tiếp (ngày 18, 19, 20 tháng 11 năm 2023) và phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam ba lần trong 03 ngày liên tiếp (ngày 20, 21, 22 tháng 11 năm 2023) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền của tiền nợ còn lại (tiền hàng và tiền tạm ứng chi phí Marketing) của Hợp đồng số 368/SC/1220 ngày 18/11/2020 và các Phụ lục số 01 ngày 30/11/2020, Phụ lục số 02 ngày 19/5/2021 là: 15.464.558.295 đồng (bao gồm: 13.047.997.637 đồng gốc và 2.416.560.658 đồng nợ lãi), cụ thể:

Tiền hàng: Nợ gốc là 8.752.011.337 đồng và tiền lãi chậm trả của khoản tiền này từ ngày 19/03/2022 đến ngày 24/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 676 ngày theo mức lãi suất là 10%/năm là: $\{(8.752.011.337 \text{ đồng} \times 10\%) / 365 \text{ ngày}\} \times 676 \text{ ngày} = 1.620.920.456 \text{ đồng}$.

Tiền tạm ứng chi phí Marketing: Nợ gốc 4.295.986.300 đồng và tiền lãi chậm trả của khoản tiền này từ ngày 19/3/2022 đến ngày 24/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 676 ngày theo mức lãi suất là 10%/năm là: $\{(4.295.986.300 \text{ đồng} \times 10\%) / 365 \text{ ngày}\} \times 676 \text{ ngày} = 795.640.202 \text{ đồng}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội và bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu (tên cũ Công ty TNHH Đào tạo và Truyền thông Á Châu) giao kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng phân phối sản phẩm và xây dựng hệ thống điểm bán hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ của hợp đồng và phụ lục hợp đồng phân phối hàng hóa còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu có trụ sở chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng phân phối” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án thể hiện bị đơn không còn hoạt động tại nơi đăng ký trụ sở chính tại: Tầng 10, tòa nhà Pax Sky, số 51, đường Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả cung cấp thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu (tên cũ Công ty TNHH Đào tạo và Truyền thông Á Châu) chưa đăng ký giải thể. Căn cứ đơn khởi kiện và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn có cơ sở xác định địa chỉ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện là đúng và đầy đủ. Việc bị đơn thay đổi trụ sở mà không công bố công khai theo quy định pháp luật được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Căn cứ bản sao Hợp đồng số 368/SC/1220 về việc phân phối sản phẩm và xây dựng hệ thống điểm bán hàng ngày 18/11/2020; Phụ lục số 01 ngày 30/11/2020, Phụ lục số 02 ngày 19/5/2021 (để sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một số nội dung của Hợp đồng số 368/SC/1220 ký ngày 18/11/2020) giữa nguyên đơn và bị đơn đã thể hiện các bên thỏa thuận về việc nguyên đơn đồng ý bán và bị đơn đồng ý mua các sản phẩm do nguyên đơn sản xuất (các sản phẩm tẩy rửa dân dụng và y tế) để phân phối sản phẩm, thời gian thực hiện hợp đồng

là 13 tháng kể từ ngày 01/12/2020 đến hết ngày 31/12/2021. Thực hiện các hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên, giá trị thực tế nguyên đơn giao hàng hóa cho bị đơn qua nhiều lần thể hiện qua các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn đã xuất cho bị đơn có tổng giá trị tiền hàng là 15.787.983.962 đồng.

[4]. Ngoài ra, thực hiện quy định tại Điều 2 của Hợp đồng, nguyên đơn đã tiến hành tạm ứng chi phí Marketing và chuyển vào tài khoản của bị đơn với tổng số tiền theo các đợt là: 4.445.986.300 đồng (thể hiện qua các sao kê ngân hàng). Điều 4 của Phụ lục 02 quy định bị đơn phải hoàn trả các khoản tạm ứng chi phí Marketing cho nguyên đơn từ tháng 6/2021 cho đến hết tháng 12/2021. Tuy nhiên, tính đến thời điểm kết thúc hợp đồng, bị đơn chưa hoàn trả đủ số tiền tạm ứng chi phí Marketing nêu trên.

[5]. Do đó tại Biên bản thanh lý hợp đồng số 06/2021/TLHĐ-XPB-ACT ngày 31/12/2021 có chữ ký và đóng dấu của hai công ty thì bị đơn xác nhận số công nợ chi phí tiền hàng và tạm ứng chi phí Marketing của Hợp đồng số 368/2020 còn nợ nguyên đơn, cụ thể:

Công nợ tiền hàng của bị đơn còn nợ đến ngày 31/12/2021 (ngày chấm dứt Hợp đồng số 368/2020) như sau: Tổng tiền hàng đã nhận: 15.787.983.962 đồng; Số tiền đã thanh toán: 6.718.609.786 đồng; Số tiền còn phải thanh toán: 9.069.374.176 đồng.

Công nợ tạm ứng chi phí Marketing của bị đơn còn nợ đến ngày 31/12/2021 (ngày chấm dứt Hợp đồng số 368/2020) như sau: Số tiền chi phí thực tế - tạm ứng đã nhận: 4.445.986.300 đồng; Số tiền đã hoàn trả: 150.000.000 đồng; Số tiền còn phải hoàn trả: 4.295.986.300 đồng.

[6]. Đồng thời, tại hai văn bản nguyên đơn gửi bị đơn ngày 03/01/2022 (bị đơn ký xác nhận ngày 19/3/2022) thể hiện bị đơn đã xác nhận khoản nợ nguyên đơn tiền nợ là 9.069.374.176 đồng và 4.295.986.300 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn đã thanh toán một phần số tiền nợ gốc của tiền hàng là 184.393.730 đồng nên khoản tiền hàng bị đơn còn nợ của Hợp đồng số 368/2020 tại thời điểm ngày 30/6/2022 là: 8.884.980.446 đồng.

[7]. Đến ngày 01/7/2022, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn (phục vụ cho mục đích kiểm toán) khoản tiền là: 8.884.980.446 đồng và 4.295.986.300 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn đã thanh toán một phần nợ gốc là 132.969.109 đồng nên số tiền nợ gốc của tiền hàng còn lại của Hợp đồng số 368/2022 tính đến hiện tại là: 8.752.011.337 đồng (thể hiện qua sao kê Ngân hàng do nguyên đơn cung cấp).

[8]. Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng số 368/SC/1220 ngày 18/11/2020 và Phụ lục số 01 ngày 30/11/2020, Phụ lục số 02 ngày 19/5/2021 bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là: 13.047.997.637 đồng (bao gồm: 8.752.011.337 đồng tiền hàng và 4.295.986.300 đồng tiền tạm ứng chi phí Marketing).

[9]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài

liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ngoài các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện và Tòa án thu thập được không có chứng cứ nào khác cho thấy bị đơn đã thanh toán xong số tiền nợ gốc còn lại là 13.047.997.637 đồng (bao gồm: 8.752.011.337 đồng tiền hàng và 4.295.986.300 đồng tiền tạm ứng chi phí Marketing) cho nguyên đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng số 368/SC/1220 ngày 18/11/2020 và Phụ lục số 01 ngày 30/11/2020, Phụ lục số 02 ngày 19/5/2021 bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là: 13.047.997.637 đồng (bao gồm: 8.752.011.337 đồng tiền hàng và 4.295.986.300 đồng tiền tạm ứng chi phí Marketing) là phù hợp với thỏa thuận của các bên và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[10]. Về thời điểm nguyên đơn yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả của tiền hàng và tiền tạm ứng chi phí Marketing kể từ ngày 19/3/2022 (ngày bị đơn ký xác nhận khoản nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/01/2024 tức 676 ngày dựa trên số nợ gốc của tiền hàng là 8.752.011.337 đồng và tiền tạm ứng chi phí Marketing là 4.295.986.300 đồng là có lợi cho bị đơn và có cơ sở chấp nhận.

[11]. Về mức lãi suất: Mức lãi suất chậm trả áp dụng trong trường hợp hai bên có tranh chấp về lãi cần được điều chỉnh theo quy định của Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì hiện nay mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được xác định là 14,3 %/năm. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm hiện nay là tự nguyện, có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật nên cần ghi nhận. Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là: Tiền hàng: $\{(8.752.011.337 \text{ đồng} \times 10\%) / 365 \text{ ngày}\} \times 676 \text{ ngày} = 1.620.920.456$ đồng và tiền tạm ứng chi phí Marketing: $\{(4.295.986.300 \text{ đồng} \times 10\%) / 365 \text{ ngày}\} \times 676 \text{ ngày} = 795.640.202$ đồng. Tổng cộng là: 2.416.560.658 đồng nợ lãi.

[12]. Do đó, tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng số 368/SC/1220 ngày 18/11/2020 và Phụ lục số 01 ngày 30/11/2020, Phụ lục số 02 ngày 19/5/2021 là: 15.464.558.295 đồng (bao gồm: 13.047.997.637 đồng tiền gốc (trong đó tiền hàng là 8.752.011.337 đồng và tiền tạm ứng chi phí Marketing là 4.295.986.300 đồng) và 2.416.560.658 đồng nợ lãi (trong đó tiền hàng là 1.620.920.456 đồng và tiền tạm ứng chi phí Marketing là 795.640.202 đồng). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[13] *Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:*

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 123.464.558

đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu trả cho Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội số tiền còn nợ của Hợp đồng số 368/SC/1220 ngày 18/11/2020 và Phụ lục số 01 ngày 30/11/2020, Phụ lục số 02 ngày 19/5/2021 là:

Tiền hàng: Nợ gốc là 8.752.011.337 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.620.920.456 đồng;

Tiền tạm ứng chi phí Marketing: Nợ gốc 4.295.986.300 đồng và tiền lãi chậm trả là 795.640.202 đồng;

Tổng cộng: 15.464.558.295 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 123.464.558 đồng.

Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.814.236 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0043521 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Á Châu có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Thị Tâm

